

Số: 267/QĐ-SNNPTNT

Gia Lai, ngày 20 tháng 6 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách bổ sung, điều chỉnh năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 của UBND tỉnh Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch thực hiện kết luận Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-TTg ngày 17/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp kinh phí mua vắc xin Lở mồm long móng năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 của UBND tỉnh xuất ngân sách cấp cho các địa phương, các đơn vị dự toán để tổ chức các hoạt động trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi - 2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách bổ sung, điều chỉnh năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (theo biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Sở Tài chính;
- Trang thông tin điện tử của Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**



**Trương Phước Anh**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2019**

(Kèm Quyết định số 267/QĐ-SNNPTNT ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Chi tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó										Trong đó						
				VP Sở Nông nghiệp và PTNT	Chi cục Thủy lợi	Chi cục Kiểm Lâm	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Trung tâm Giống Thủy sản	Khu BTNN Kon Chư Răng	BQLPPH Xã Nam	BQLPPH Đak Doa	BQLPPH Chư A Thai	BQLPPH Chư Sê	BQLPPH Ayun Pa	BQLPPH Bắc Ia Grai	BQLPPH Ia Grai	BQLPPH Ya Hội	BQLPPH Ia Meur	BQLPPH Ia Puch	BQLPPH Nam Sông Ba
				3	4	6		11	12	13	14	16	19	23	24	25	28	30	31	
A	B	1	2	3	4	6		11	12	13	14	16	19	23	24	25	28	30	31	
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>10.887,71</b>	<b>10.887,71</b>	<b>844,00</b>	<b>180,00</b>	<b>(0,80)</b>	<b>9.520,02</b>	<b>399,80</b>	<b>(4,21)</b>	<b>(1,73)</b>	<b>(7,19)</b>	<b>(0,20)</b>	<b>(1,74)</b>	<b>(1,11)</b>	<b>(0,20)</b>	<b>(11,52)</b>	<b>(1,81)</b>	<b>(4,10)</b>	<b>(1,56)</b>	<b>(19,94)</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>934,00</b>	<b>934,00</b>	<b>934,00</b>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-																	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	934,00	934,00	934,00																
	Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc	934,00	934,00	934,00																
1.3	Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	-	-																	
<b>2</b>	<b>Chi các hoạt động kinh tế</b>	<b>9.955,11</b>	<b>9.955,11</b>	<b>(90,00)</b>	<b>180,00</b>	<b>-</b>	<b>9.520,02</b>	<b>400,00</b>	<b>(4,21)</b>	<b>(1,73)</b>	<b>(7,19)</b>	<b>-</b>	<b>(1,74)</b>	<b>(1,11)</b>	<b>-</b>	<b>(11,52)</b>	<b>(1,81)</b>	<b>(4,10)</b>	<b>(1,56)</b>	<b>(19,94)</b>
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	(54,91)	(54,91)	-		-	-	-	(4,21)	(1,73)	(7,19)	-	(1,74)	(1,11)	-	(11,52)	(1,81)	(4,10)	(1,56)	(19,94)
	Khắc phục kết luận kiểm toán	(54,91)	(54,91)						(4,21)	(1,73)	(7,19)		(1,74)	(1,11)		(11,52)	(1,81)	(4,10)	(1,56)	(19,94)
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.010,02	10.010,02	(90,00)	180,00	-	9.520,02	400,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí thả cá ra hồ chứa nhằm tái tạo nguồn lợi thủy sản	400,00	400,00					400,00												
	Quan trắc môi trường thủy sản	-	-	(45,00)			45,00													
	Kinh phí Tập huấn Luật thủy sản	-	-	(45,00)			45,00													
	Kinh phí mua trang phục kiểm lâm	197,97	197,97			197,97														
	Kinh phí công cụ hỗ trợ	(197,97)	(197,97)			(197,97)														
	Kinh phí mua vắc xin LMLM type O,A	9.430,02	9.430,02			9.430,02														
	Mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	180,00	180,00		180,00															
<b>3</b>	<b>Tài chính khác</b>	<b>(1,40)</b>	<b>(1,40)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(0,80)</b>	<b>-</b>	<b>(0,20)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(0,20)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(0,20)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Kinh phí hỗ trợ tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019	(1,40)	(1,40)			(0,80)		(0,20)				(0,20)			(0,20)					